

Số: 187 /NMĐTB2-KTATMT
V/v cung cấp báo giá dịch vụ thay thế và dán
băng tải - Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Hưng Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu thay thế và dán băng tải thuộc Hệ thống vận chuyển than – NMNĐ Thái Bình 2. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp dịch vụ thay thế và dán băng tải cho các Nhà máy nhiệt điện, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho hạng mục nói trên với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Phạm vi công việc thay thế và dán băng tải như đính kèm;
 - ✓ Bảo hành tối thiểu 06 tháng.
- Tiến độ hoàn thành dịch vụ: Trong vòng 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng.
- Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên.
- Hiệu lực báo giá: Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 9h00 ngày 12/02/2026.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Hà Duy Phú, Phòng KTATMT;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0344616886; Email: phuhd@pvpgb.vn; hungbb@pvpgb.vn; vanthutb2@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GĐNM N.A.Tuấn (để b/c);
- PGĐNM N.V.Chung (e-copy);
- Các Phòng/PX: TM, NL, BDSC (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (H.D.P: 01 b).

Đính kèm:

- Phạm vi công việc xin báo giá.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Văn Ngọc

Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên
ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678



Phạm vi công việc gói thầu TB2026-085: Cung cấp dịch vụ thay thế và dán băng tải Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
(Đính kèm Công văn số 187 /NMDTB2-KTATMT ngày 30 tháng 01 năm 2026)

STT	DỊCH VỤ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT/PHẠM VI CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Băng tải cao su bố thép	- Thông số kỹ thuật băng tải: ST1000-6+4 K, BW1600 - Cắt dán nối và ép nóng lưu hóa: bao gồm các chi phí nhân công, máy thi công, công cụ dụng cụ và vật tư nối dán...(vật tư băng tải do Nhà máy cấp)	Mỗi nối	10	Số lượng theo thực tế trong quá trình vận hành thiết bị
2	Băng tải cao su bố vải	- Thông số kỹ thuật băng tải: EP500/3-5+3; EP630/3-5+3; EP1000/3-5+3; BW1600, Quality S - Cắt dán nối và ép nóng lưu hóa: bao gồm các chi phí nhân công, máy thi công, công cụ dụng cụ và vật tư nối dán...(vật tư băng tải do Nhà máy cấp)	Mỗi nối	42	Số lượng theo thực tế trong quá trình vận hành thiết bị
3	Băng tải cao su bố thép	- Thông số kỹ thuật băng tải: ST1000-6+4 K, BW1600 - Sửa chữa và lưu hóa vết vỡ mép biên băng tải cấp thép Bw1600, Quy cách: $\leq 200 \times 1000\text{mm}$ /vết: bao gồm các chi phí nhân công, máy thi công, công cụ dụng cụ và vật tư sửa chữa...(vật tư băng tải do Nhà máy cấp)	M	25	Số lượng theo thực tế trong quá trình vận hành thiết bị
4	Băng tải cao su bố thép	- Thông số kỹ thuật băng tải: ST1000-6+4 K, BW1600 - Sửa chữa vết rách dọc băng tải cấp thép bằng phương pháp dán nguội một mặt "mặt trên hoặc mặt dưới băng tải" dọc băng tải bằng dải vá chuyên dụng kích thước B150mm x dày 3mm x 10.000mm có 01 lớp bố chịu lực: bao gồm các chi phí nhân công, máy thi công, công cụ dụng cụ và vật tư sửa chữa...(vật tư băng tải do Nhà máy cấp)	M	10	Số lượng theo thực tế trong quá trình vận hành thiết bị
5	Băng tải cao su bố vải	- Thông số kỹ thuật băng tải: EP500/3-5+3; EP630/3-5+3; EP1000/3-5+3; BW1600, Quality S - Sửa chữa và lỗ thủng băng tải bằng phương pháp ép nóng lưu hóa, kích thước lỗ thủng $\leq 300 \times 300\text{mm}$: bao gồm các chi phí nhân công, máy thi công, công cụ dụng cụ và vật tư sửa chữa...(vật tư băng tải do Nhà máy cấp)	Vết vá	10	Số lượng theo thực tế trong quá trình vận hành thiết bị
6	Băng tải cao su bố vải	- Thông số kỹ thuật băng tải: EP 630/4, 5:4 K; BW800 - Thông số kỹ thuật băng tải: Cắt dán nối và ép nóng lưu hóa: bao gồm các chi phí nhân công, máy thi công, công cụ dụng cụ và vật tư nối dán...(vật tư băng tải do Nhà máy cấp)	Mỗi nối	2	Số lượng theo thực tế trong quá trình vận hành thiết bị
7	Băng tải cao su bố vải	- Thông số kỹ thuật băng tải: EP500/3-5+3; EP630/3-5+3; EP1000/3-5+3; BW1600, Quality S - Sửa chữa ép nóng lưu hóa: bong khóa mép mỗi nối băng tải, bong bề mặt cao su băng tải... bao gồm các chi phí nhân công, máy thi công, công cụ dụng cụ và vật tư sửa chữa...(vật tư băng tải do Nhà máy cấp)	Mỗi nối	10	Số lượng theo thực tế trong quá trình vận hành thiết bị
8	Thay thế, lắp đặt băng tải 05EAC72	- Thực hiện thi công thay thế, lắp đặt, chạy thử băng tải: BW1600mm; Chiều dài băng 220m; số lượng 01 mỗi nối. - bao gồm các chi phí nhân công, máy thi công, công cụ dụng cụ và vật tư sửa chữa...(vật tư băng tải do Nhà máy cấp)	Gói	1	